

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HSST

Ngày 19/06/2018

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hoan.

*Thẩm phán:* Ông Nguyễn Đồng Dục

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lều Văn Quân

Ông Lương Thường Tín

Bà Phạm Thị Hương Lan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hà Thu, Thư ký tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hải Triều - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2018/TLST-HS ngày 24/05/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST-HS ngày 07/06/2018 đối với bị cáo:

**Trần Huy M** - Sinh năm: 1983.

Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: thôn Ng, xã Ph, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh.

Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do (Nguyên cán bộ Công an huyện K).

Con ông: Trần Huy L - SN 1950; Con bà: Lê Thị Th - SN 1951.

Vợ: Nguyễn Thị Y, sinh năm 1982.

Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị tạm giam từ ngày 14/ 03/ 2018, tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hưng Yên.  
Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Huy M: Ông Bùi Đình Sơn - Luật sư văn phòng Luật sư Phúc Sơn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hưng Yên (có mặt).

**\*Người bị hại:**

- Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1957.

Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1959.

Đều trú tại: thôn Tr, xã Tr H, huyện Y, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

**\*Người có quyền lợi liên quan:**

Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1997.

Trú tại: thôn Tr, xã Tr H, huyện Y, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Từ khoảng tháng 6/2015, Trần Huy M (khi đó là Cán bộ Công an huyện K) đã nhiều lần đến thuê phòng nghỉ tại Nhà nghỉ H của vợ chồng ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị L2, trú tại: thôn Tr, xã Tr H, huyện Y, nên M đã quen biết và trở lên thân thiết với vợ chồng ông L1. Được biết vợ chồng ông L1 có con trai là anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1997 đã dự thi vào Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy - Bộ Công an nhưng không trúng tuyển, đang theo học năm thứ nhất tại Học viện Nông nghiệp, nhưng vợ chồng ông L1 và anh T vẫn có nguyện vọng được vào học tại các trường của ngành Công an. Do M đang cần tiền để tiêu xài cá nhân, nên M đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông L1. M đã giới thiệu với vợ chồng ông L1, M đang là Cán bộ Đội Cảnh sát giao thông - Công an huyện K và có anh trai đang là Cán bộ Phòng cảnh sát giao thông và có chú ruột là Giám đốc Công an tỉnh H, hàng năm M đều được ưu tiên một suất biên chế trong ngành Công an, đồng thời M bảo vợ chồng ông L1 cho anh T nghỉ học tại Học viện Nông nghiệp để M đứng ra lo giúp anh T thi đỗ vào Trường Học viện Cảnh sát với số tiền là: 950.000.000 đồng, hoặc Trường trung cấp Cảnh sát với số tiền là: 650.000.000 đồng. Vợ chồng ông L1 đã tin tưởng, nên đã nhờ M lo cho anh T thi đỗ vào Trường Học viện Cảnh sát. Ngày 18/02/2016, anh T xin thôi học tại Trường Học viện Nông nghiệp.

Ngày 17/3/2016, tại nhà riêng của vợ chồng ông L1 (cạnh nhà nghỉ H), vợ chồng ông L1 đã thống nhất với M về việc thi sơ tuyển của anh T do vợ chồng ông L1

tự lo liệu, M chỉ có trách nhiệm lo cho anh T thi đỗ vào Trường Học viện Cảnh sát, đồng thời vợ chồng ông L1 đã đưa cho M số tiền 950.000.000 đồng, M đã tự viết một giấy biên nhận tiền rồi đưa cho vợ chồng ông L1 quản lý để làm căn cứ. Để vợ chồng ông L1 tin tưởng về việc M vẫn đang lo liệu cho anh T thi đỗ vào Học viện Cảnh sát, nên cách kỳ thi tuyển sinh Đại học năm 2016 khoảng một tuần, M đến khu vực cổng Trường Cao đẳng Sư phạm mua một bộ tài liệu photocopy các đề thi ba môn Văn học, lịch sử, địa lý (theo M khai nhận hết số tiền khoảng 300.000 đồng) mang đến đưa và nói với anh T: cứ làm bài thi các môn đầy đủ còn M sẽ chịu trách nhiệm lo cho anh T đủ điểm thi đỗ vào Trường Học viện Cảnh sát. Sau khi nhận số tiền 950.000.000 đồng của vợ chồng ông L1, M đã tiêu xài cá nhân hết, không liên hệ hoặc nhờ ai để xin cho anh T thi đỗ vào Trường Học viện Cảnh sát như đã hứa hẹn. Sau khi có điểm chuẩn, anh T không trúng tuyển vào bất cứ trường học nào của ngành Công an nhân dân, nên vợ chồng ông L1 đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin, tìm gặp và yêu cầu M trả lại số tiền trên, nhưng M đều né tránh không nghe điện thoại, thỉnh thoảng M nhắn tin điện thoại cho ông L1 xin khát nợ. Đến ngày 25/8/2016, M đến nhà ông L1 tự viết “*Giấy nhận tiền xin việc*” đề ngày 17/3/2016, với nội dung M đã nhận số tiền 950.000.000 đồng của vợ chồng ông L1 để xin việc cho em Nguyễn Minh T là con của vợ chồng ông L1 và hẹn đến ngày 30/9/2016, M sẽ xin hoàn lại số tiền trên cho vợ chồng ông L1 rồi đưa cho ông L1 quản lý, đồng thời thống nhất với nhau về việc “*Giấy nhận tiền xin việc*” này được ghi vào ngày 17/3/2016 (là ngày thực tế M đã nhận số tiền 950.000.000 đồng của vợ chồng ông L1) và ông L1 đã hủy tờ giấy biên nhận số tiền 950.000.000 đồng do M đã viết trước đó vào ngày 17/3/2016. Sau đó, vợ chồng ông L1 đã nhiều lần đòi M trả lại tiền, nhưng M không trả, nên ông L1 đã làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra các tài liệu có liên quan.

Ngày 08/7/2017, Giám đốc Công an tỉnh H đã có Quyết định số 1074/QĐ-CAT(TCCB) về việc cho Trần Huy M xuất ngũ, kể từ ngày 17/7/2017.

Tại Bản kết luận giám định số 20/PC54 ngày 13/12/2017, của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên đã kết luận:

- Chữ viết mang tên Trần Huy M được viết tại “*Giấy nhận tiền xin việc*” đề ngày 17/3/2016 (ký hiệu A) với chữ viết mang tên Trần Huy M được viết tại “*Bản tự khai*” đề ngày 10/11/2017 (ký hiệu M) là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký mang tên Trần Huy M được ký ngay dưới mục “Người viết” của “Giấy nhận tiền xin việc” đề ngày 17/3/2016 (ký hiệu A) với chữ ký có cùng nội dung được ký tại các biên bản ghi lời khai và bản tự khai đề ngày 10/11/2017 (ký hiệu M) là do cùng một người ký ra.

Quá trình điều tra, Trần Huy M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với kết luận giám định, phù hợp với lời khai của người bị hại, của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cũng như các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 44/QĐ - VKS - P3 ngày 25/05/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Trần Huy M về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố Trần Huy M về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Trần Huy M từ 10 đến 11 năm tù; Miễn không áp dụng hình phạt bổ sung để phạt tiền đối với bị cáo. Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Khoản 1; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị L2 số tiền 950.000.000đ. Gia đình bị cáo đã nộp 10.000.000đ; Bị cáo còn phải bồi thường tiếp 940.000.000đ.

\* Bị cáo Trần Huy M thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng.

\* Người bị hại: ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị L2 yêu cầu bị cáo M phải bồi thường cho gia đình ông số tiền 950.000.000đ. Về hành vi phạm tội của bị cáo ông, bà đề nghị xử theo pháp luật.

Luật sư Bùi Đình Sơn bào chữa cho bị cáo M có quan điểm: Về tội danh Viện kiểm sát truy tố bị cáo Trần Huy M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s, v khoản 1; 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo mức hình phạt 08 năm tù.

Bị cáo Trần Huy M và những người tham gia tố tụng khác: Không ai có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

*Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án:* Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xử bị cáo mức án thấp nhất.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

### **[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:**

Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hưng Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

### **[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:**

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của vợ chồng ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị L2 là người bị hại, lời khai của nhân chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Kết luận giám định số 20/PC54 ngày 13/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên; Giấy nhận tiền xin việc... đã có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên Trần Huy M là người không có chức năng tuyển dụng biên chế hoặc tuyển sinh vào các Trường của ngành Công an nhân dân, nhưng đã đưa ra thông tin gian dối là bản thân hàng năm đều được ưu tiên một xuất biên chế trong ngành Công an nhân dân, làm cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị L2 tin là thật, nên ngày 17/3/2016 tại gia đình ông L1 ở thôn Tr, xã Tr H, huyện Y vợ chồng ông L1 đã giao cho M số tiền là 950.000.000 đồng để nhờ M xin cho anh Nguyễn Minh T (là con trai ông L1, bà L2) thi đỗ vào Trường Học viện Cảnh sát, tại kỳ thi tuyển sinh Đại học năm 2016. Sau khi nhận số tiền 950.000.000 đồng của vợ chồng ông L1, bà L2, M đã không liên hệ, hoặc nhờ ai xin cho anh T thi đỗ vào Trường Học viện Cảnh sát như đã hứa hẹn mà đã tiêu xài cá nhân hết.

Bị cáo Trần Huy M dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của vợ chồng ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị L2 số tiền 950.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Nên Viện kiểm sát tỉnh Hưng Yên truy tố Trần Huy M về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực nhưng tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt bằng Bộ luật hình sự năm 2015, nên Tòa áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo.

**[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo công tác trong ngành công an nên hơn ai hết, bị cáo phải nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, vi phạm kỷ luật, đạo đức của người chiến sỹ Công an nhân dân, nhưng do đua đòi ăn chơi, lối sống buông thả, và để có tiền ăn tiêu chơi bời trác táng bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội cũng như hậu quả đã gây ra, đồng thời tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian có như vậy mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và làm bài học răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét: Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Có quá trình công tác trong lực lượng Công an nhân dân, năm 2013 được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang Hạng ba. Bị cáo có chú ruột được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Bị cáo tác động gia đình nộp số tiền 10 triệu đồng để khắc phục một phần hậu quả. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Xét bị cáo phạm tội vì động cơ vụ lợi lẽ ra áp dụng hình phạt bổ sung để phạt tiền đối với bị cáo nhưng hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bản thân bị cáo không có tài sản riêng nên miễn, không áp dụng hình phạt bổ sung để phạt tiền đối với bị cáo.

**[4] Về trách nhiệm dân sự:**

Bị cáo đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt của gia đình ông Nguyễn Văn L1 số tiền 950.000.000đ. Đến nay ông L1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền trên là có căn cứ, vì vậy sẽ buộc bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho gia đình ông L1. Gia đình bị cáo đã nộp 10.000.000đ; Bị cáo còn phải bồi thường tiếp 940.000.000đ.

**[5] Về án phí:**

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 2; Điều 6 Luật phí, lệ phí; Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH**

**[1] Về tội danh:**

***Tuyên bố:*** Bị cáo Trần Huy M phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

**[2] Về hình phạt:**

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, điểm s, điểm v khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Phạt: Bị cáo Trần Huy M 11 (mười một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/ 03/ 2018.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo.

**[3] Về trách nhiệm dân sự:**

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Huy M phải bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Văn L1 ở thôn Tr xã Tr H huyện Y tỉnh Hưng Yên số tiền 950.000.000đồng (chín trăm năm mươi triệu đồng). Gia đình bị cáo đã nộp 10.000.000đ (mười triệu đồng) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên; Bị cáo còn phải bồi thường tiếp 940.000.000đ (chín trăm bốn mươi triệu đồng chẵn).

**[4] Án phí:**

Bị cáo Trần Huy M phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 40.500.000đ án phí dân sự. Cộng bằng: 40.700.000đ (Bốn mươi triệu bảy trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu bị cáo không thi hành án về khoản bồi thường thì còn phải chịu lãi đối với số tiền

chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan, báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan CSĐT- CA tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan hồ sơ NVCS-CA tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Các người bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hoan**